

124/2023 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU – LUỒNG VŨNG TÀU – THỊ VẢI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo số 251/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4TV002 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 09 tháng 11 năm 2023)

Chèn	Độ sâu	0 ₈	10°36'19.50"N	107°01'17.32"E
		5 ₉	10°36'18.06"N	107°01'16.15"E
		4 ₅	10°36'16.32"N	107°01'15.35"E
		16 ₄	10°36'18.65"N	107°01'09.65"E
Xoá	Độ sâu	0 ₈	10°36'18.13"N	107°01'16.24"E
		3 ₇	10°36'16.69"N	107°01'15.35"E
		4 ₁	10°36'19.53"N	107°01'16.53"E
	Độ sâu ngập triều	2 ₅	10°36'21.17"N	107°01'16.24"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

124/2023 – VIET NAM – BA RIA – VUNG TAU SEA PORT WATER – VUNG TAU – THI VAI CHANNEL – Depths

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety Notice No.251/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4TV002 (Edition No. 2, updated on November 9th, 2023)

Insert	Depth	0 ₈	10°36'19.50"N	107°01'17.32"E
		5 ₉	10°36'18.06"N	107°01'16.15"E
		4 ₅	10°36'16.32"N	107°01'15.35"E
		16 ₄	10°36'18.65"N	107°01'09.65"E
Delete	Depth	0 ₈	10°36'18.13"N	107°01'16.24"E
		3 ₇	10°36'16.69"N	107°01'15.35"E
		4 ₁	10°36'19.53"N	107°01'16.53"E
	Drying height	2 ₅	10°36'21.17"N	107°01'16.24"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
